TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/DS-ST
Ngày: 12-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Dình

2. Ông Huỳnh Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 236/2024/TLST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M trình bày:

Bà có tham gia hai dây hụi do bà H làm chủ hụi, gồm:

Dây hụi 1: Hụi khui ngày 08/01/2022 (âm lịch), loại hụi ngày, mỗi ngày người tham gia phải đóng cho bà H số tiền 500.000 đồng/ một phần/ một ngày, hụi có thời hạn 15 tháng, là loại hụi có hoa hồng 1.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần và đã đóng tiền hụi cho bà H 13 tháng 10 ngày, với số tiền là 200.000.000 đồng.

Dây hụi 2: Hụi khui ngày 16/5/2022 (âm lịch), loại hụi ngày, mỗi ngày người tham gia phải đóng cho bà H số tiền 100.000 đồng/ một phần/ một ngày,

hụi có thời hạn 15 tháng, là loại hụi có hoa hồng 1.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần và đã đóng tiền hụi cho bà H 09 tháng 16 ngày, với số tiền là 28.600.000 đồng.

Đến ngày 02/02/2023 (âm lịch) bà H tuyên bố vỡ hụi và còn nợ bà số tiền của 02 dây hụi là 228.600.000 đồng, vào tháng 11/2023 (âm lịch) bà H thanh toán cho bà được số tiền 100.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả cho bà số tiền vốn hụi còn nợ là 128.600.000 đồng, yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi suất.

Bà Nguyễn Thị Kim H là bị đơn trình bày tại bản tự khai ngày 25/7/2024: Bà thống nhất có nợ nguyên đơn số tiền vốn hụi là 128.600.000 đồng. Hiện nay do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bà xin nguyên đơn cho thời gian khi nào bà bán được tài sản là các thửa đất sẽ thanh toán nợ.

Ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại bản tự khai ngày 25/7/2024: Ông là chồng bà H và ông thống nhất lời trình bày của bà H, ông không có ý kiến bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Trúc M có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Nguyễn Thị Kim H, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà M, bà H và ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và các ông bà có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày thống nhất bà Nguyễn Thị Kim H có nợ bà Nguyễn Thị Trúc M số tiền vốn hụi là 128.600.000 đồng, đây là điều không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất thời gian thanh toán: Bà M yêu cầu bà H và ông Truyền thanh toán nợ một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, bà H yêu cầu được cho thời gian khi nào bà bán được tài sản là các thửa đất sẽ thanh toán nợ nhưng không được bà M đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

[3] Xét nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ: Tại địa phương bà H làm chủ hụi, tổ chức cho hụi viên tham gia nhiều năm, là loại hụi có lãi nhằm mục đích phát

triển kinh tế gia đình diễn ra trong thời kỳ hôn nhân với ông T và ông T cũng thống nhất nợ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 27, 30, 35 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim H liên đới thanh toán tiền vốn hụi cho nguyên đơn.

Ông T và bà H còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông T và bà H có đơn xin miễn án phí với lý do là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi của bà Nguyễn Thị Trúc M đối với bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Trúc M số tiền vốn hụi là 128.600.000 (một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Trúc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.210.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008969 ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy